

Hướng dẫn soạn Unit 2 Language focus 1 Tiếng Anh 6 Friends Plus, giải bài tập Language focus 1 Unit 2 sách Tiếng Anh 6 Friends Plus.

Giải bài tập Tiếng Anh 6 Unit 2 Language focus 1

Thực hiện các yêu cầu của SGK khi [giải bài tập Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo](#) trang 26 về thì hiện tại đơn thể khẳng định và phủ định.

Exercise 1

Compare the sentences. Then match a-d with Spelling Rules 1-4. (So sánh các câu. Sau đó nối a-d với quy tắc chính tả 1-4.)

- a. I study a lot./ Her older daughter studies hard.
- b. We have breakfast at 7.30 a.m./ He has breakfast at 5.30 a.m.
- c. My brother and I go to school. / He goes to work.
- d. I get up at 7 a.m./ Noel gets up at 4.45 a.m.

SPELLING RULES (QUY TẮC CHÍNH TẢ)

We use the present simple when we talk about facts and routines. The verbs for he, she and it end differently: (Chúng ta sử dụng thì hiện tại đơn khi chúng ta nói về các sự kiện và thói quen. Các động từ cho “he”, “she” và “it” kết thúc khác nhau)

- 1. We add -s to most verbs: play => plays. (Chúng ta thêm -s vào hầu hết các động từ: play => plays.)
- 2. We add -es when a verb ends with -o, -ch, -, -sh, -x or -z. (Chúng ta thêm -es khi một động từ kết thúc bằng -o, -ch, -, -sh, -x hoặc -z.)
- 3. We remove -y and add -ies when a verb ends with a consonant +y. (Chúng ta loại bỏ -y và thêm -ies khi một động từ kết thúc bằng phụ âm + y.)
- 4. We use has instead of have. (Chúng ta sử dụng has thay vì have.)

Trả lời

1 - d

=> We add -s to most verbs: play => plays. - d. I get up at 7 a.m./ Noel gets up at 4.45 a.m.

2 - c

=> We add -es when a verb ends with -o, -ch, -, -sh, -x or -z. - c. My brother and I go to school. / He goes to work.

3 - a

=> We remove -y and add -ies when a verb ends with a consonant +y. - a. I study a lot./ Her older daughter studies hard.

4 - b

=> We use has instead of have. - b. We have breakfast at 7.30 a.m./ He has breakfast at 5.30 a.m.

Exercise 2

Choose the correct verbs. (*Chọn các động từ đúng.*)

1. You go / goes to bed at 9.30 p.m.
2. My parents relaxes / relax in the evening.
3. My teacher speaks / speak four languages.
4. Our English class finish / finishes at 3p.m.
5. I has / have lunch at home.
6. My sister studies / study at the weekend.

Trả lời

1. go

=> You go to bed at 9.30 p.m. (Bạn đi ngủ lúc 9h30 tối.)

2. relax

=> My parents relax in the evening. (Bố mẹ tôi thư giãn vào buổi tối.)

3. speaks

=> My teacher speaks four languages. (Giáo viên của tôi nói được bốn thứ tiếng.)

4. finishes

=> Our English class finishes at 3p.m. (Lớp học tiếng Anh của chúng tôi kết thúc lúc 3 giờ chiều.)

5. have

=> I have lunch at home. (Tôi ăn trưa ở nhà.)

6. studies

=> My sister studies at the weekend. (Em gái tôi học vào cuối tuần.)

Exercise 3

PRONUNCIATION: Third persons. Listen to the third person form of the verbs and repeat. Which verbs end with an /ɪz/ sound? (Phát âm: Ngôi thứ 3. Nghe dạng của động từ ngôi thứ 3 và lặp lại. Những động từ nào kết thúc bằng âm /ɪz/?)

1. relaxes

Now indicate the word whose bold part differs from the other three in pronunciation.

(Bây giờ chỉ ra từ mà phần in đậm khác với 3 từ còn lại về phát âm.)

1. a. relaxes

b. finishes

c. studies

d. boxes

2. a. goes

b. does

c. watches

d. toes

3. a. aches

b. watches

c. beaches

d. matches

4. a. washes

b. wishes

c. makes

d. witches

5. a. takes

b. makes

c. aches

d. watches

Trả lời

1. c

/ɪz/: relaxes, finishes, boxes

/z/: studies

2. c

/z/: goes, does, toes

/ɪz/: watches

3. a

/ɪz/: watches, beaches, matches

/z/: aches

4. c

/ɪz/: washes, wishes, witches

/s/: makes

5. d

/s/: takes, makes, aches

/ɪz/: watches

Exercise 4 - Present simple: negative (Thì hiện tại đơn: dạng phủ định)

Complete the examples from the text on page 26. Then choose the correct words in Rules 1–3. (Hoàn thành các ví dụ từ bài đọc trang 26. Sau đó chọn từ đúng với Quy tắc 1-3.)

1. The younger children.....

2. Sue TV a lot.

3. The Radfords..... usuallyto restaurants.

RULES (Quy tắc)

1. We use doesn't after he, she and it to make negative sentences. (Chúng ta sử dụng “doesn’t” sau “he”, “she” và “it” để tạo nên câu phủ định.)

2. We use don't after I, you, we and they to make negative sentences. (Chúng ta sử dụng “don’t” sau “I”, “you” và “they” để tạo nên câu phủ định.)

3. In negative sentences, the main verb never ends with an -s. (Trong câu phủ định, động từ chính không bao giờ thêm -s.)

Trả lời

1. don't help

=> The younger children don't help.

2. doesn't watch

=> Sue doesn't watch TV a lot.

3. don't – go

=> The Radfords don't usually go to restaurants.

Exercise 5

Look at the information in the table. Write affirmative and negative sentences about the people. (Nhìn vào thông tin trong bảng. Viết các câu khẳng định và phủ định về những người này.)

- Tom and Mina wash the dishes.

- Vicky doesn't wash the car.

Tom and Mina wash the dishes.
Vicky doesn't wash the car.

	Tom	Vicky	Mina
wash the dishes 	✓	✗	✓
wash the car 	✓	✗	✓
sit on the sofa a lot 	✓	✓	✗
make breakfast 	✗	✗	✓
watch TV a lot 	✗	✓	✗

Trả lời

- Tom and Mina wash the dishes. (Tom và Mina rửa bát.)

- Vicky doesn't wash the car. (Vicky không rửa xe.)

- Tom and Vicky sit on the sofa a lot. (Tom và Vicky ngồi nhiều trên ghế sofa.)

- Mina doesn't sit on the sofa a lot. (Mina không ngồi sofa nhiều.)
- Tom and Vicky don't make breakfast. (Tom và Vicky không nấu bữa sáng.)
- Mina makes breakfast. (Mina nấu bữa sáng.)
- Tom and Mina don't watch TV a lot. (Tom và Mina không xem TV nhiều.)
- Vicky watches TV a lot. (Vicky xem TV rất nhiều.)

Exercise 6 - Use it!

Work in pairs. What does each person in your family do at home? Tell your partner. Use some of the verbs from pages 24-25 and exercise 5 (page 25) with adverbs of frequency. *(Thực hành! Làm việc theo cặp. Ở nhà mỗi người trong gia đình em làm việc gì? Hãy kể cho bạn em nghe. Sử dụng các động từ ở trang 24 – 25 và bài tập 5 (trang 25) với trạng từ chỉ tần suất.)*

My brother often gets up late. He doesn't help with the housework a lot, but he sometimes washes the dishes. (Anh trai tôi thường dậy muộn. Anh ấy không giúp việc nhà nhiều, nhưng thỉnh thoảng anh ấy rửa bát.)

Trả lời

- My father always gets up early in the morning. He never has breakfast at home but he always has lunch and dinner with us.

Dịch

Cha tôi luôn dậy sớm vào buổi sáng. Cha không bao giờ ăn sáng ở nhà nhưng cha luôn ăn trưa và ăn tối với chúng tôi.

- My mother always gets up very early to prepare breakfast for me and my brother. She sells goods at the market near our house and she usually gets home at 10 a.m.

Dịch

Mẹ tôi luôn dậy rất sớm để chuẩn bị bữa sáng cho tôi và anh trai tôi. Mẹ bán hàng ở chợ gần nhà chúng tôi và mẹ thường về nhà lúc 10 giờ sáng.

- My elder brother doesn't study very hard, but he usually helps my mother with the housework after school.

Dịch

Anh trai tôi không học hành chăm chỉ lắm, nhưng anh ấy thường giúp mẹ tôi việc nhà sau giờ học.

Finished?

Write five true sentences about your partner. (*Hoàn thành bài học? Viết 5 câu đúng về bạn của em.*)

Long's brother often gets up late. He doesn't help with the housework a lot, but he sometimes washes the dishes. (Anh trai Long thường xuyên dậy muộn. Anh ấy không giúp việc nhà nhiều, nhưng thỉnh thoảng anh ấy rửa bát.)

Gợi ý

- Mai's father always gets up early in the morning. He never has breakfast at home but he always has lunch and dinner with his family.

Dịch

Cha của Mai luôn dậy sớm vào buổi sáng. Ông ấy không bao giờ ăn sáng ở nhà nhưng ông luôn ăn trưa và ăn tối với gia đình.

- Mai's mother always gets up very early to prepare breakfast for her and her brother. She sells goods at the market near their house and she usually gets home at 10 a.m.

Dịch

Mẹ của Mai luôn dậy rất sớm để chuẩn bị bữa sáng cho bạn ấy và anh trai. Bà bán hàng ở chợ gần nhà và thường về nhà lúc 10 giờ sáng.

- Mai's elder brother doesn't study very hard, but he usually helps his mother with the housework after school.

Dịch

Anh trai của Mai không học hành chăm chỉ lắm, nhưng anh ấy thường giúp mẹ việc nhà sau giờ học.

-/-

Giải bài tập Tiếng Anh 6 Unit 2 Language focus 1 sách Chân trời sáng tạo do Đọc tài liệu tổng hợp, hi vọng sẽ giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 6 thật thú vị và dễ dàng.